

Viêm bắp, vết thương mất trương lực, trứng cá hồng, thủng màng nhĩ.
Băng bó.

Liều dùng: Không dùng thuốc cho mắt.
Thận trọng dùng cho trẻ sơ sinh.

Không bôi ở diện rộng, bôi lớp dày và băng kín. Chỉ dùng không quá 8 ngày.

(Xem thêm Corticoid và Neomycin)

Biệt dược tương tự: Cenia comp (Hàn quốc)

Mag -2 (Pháp)

Dạng thuốc: Ống uống 10ml và ống tiêm 10ml có:

Magnesium pidolat 1,5g/1g. Gói 2,25g.

Tác dụng: Liệu pháp Magne để hấp thụ.

Chỉ định: Tạng thiếu Magne - tạng xúc cảm -u tư (mất ngủ, chóng mặt, run rẩy, co thắt, chuột rút, dị cảm, tức ngực, đánh trống ngực, nhức đầu, đau xương sống, đau kinh). Phụ nữ có thai: nôn mửa, lo âu, đau nhức, mất ngủ. Sản phụ: u tư lúc sinh nở khó. Trẻ em: rối loạn chức năng, không thích ứng với gia đình, trường học, rối loạn tính nết, ưa gây gổ, dễ cáu gắt. Chán ăn, khó ngủ, u tư, co rút, cảm giác kiến bò đầu chi, tức ngực đau bụng. Trẻ còn bú: bú nước, cân bằng điện giải sau ỉa chảy, nôn mửa.

Liều dùng: Tiêm (1 ống có 81mg Mg) do thiếu Mg trầm trọng cấp tính: người lớn: 1-2 ống/ngày. Hoặc 2 gói/ngày. Trẻ em: cũng tiêm như trên- tiêm tĩnh mạch chậm, có thể tiêm bắp thịt sâu, tiêm truyền với dung dịch glucose hay NaCl đẳng trương. Uống: (mỗi ống có 122mg Mg) dùng nối tiếp sau tiêm, để có bù đắp Mg từ từ. Người lớn: uống 3 ống/ngày. Trẻ em: uống 2 ống/ngày. Trẻ còn bú: uống 1/2 hay 1 ống/ ngày.

Chống chỉ định: Suy thận nặng.

Lưu ý: Rất hiếm gặp ỉa chảy, đau bụng.

Magaldrat

Aluminium magnesium hydroxyd sulfat, hydrat
Monalium hydrat

Tác dụng: Kháng acid dịch vị.

Chỉ định: Viêm dạ dày, tăng acid dịch vị, loét dạ dày.

Liều dùng: Ngày uống 3-4 lần, mỗi lần 5ml vào bữa ăn.

Chống chỉ định: Suy thận nặng.

Magan (Mỹ)

Dạng thuốc: Dịch treo uống 540mg/5ml magnesium salicylat (tương ứng với 500mg salicylat). Viên nén 545mg.

Tác dụng: Ức chế tổng hợp prostaglandin làm giảm đau chống viêm, hạ nhiệt.

Chỉ định: Viêm thấp khớp, viêm bao hoạt dịch, các rối loạn cơ -xương.

Liều dùng: Lúc đầu, mỗi lần 2 viên/3lần/ngày. Có thể tăng liều nếu cần.

Chống chỉ định: Suy thận nặng. Đối kháng với tác dụng của thuốc bài acid uric niệu

Lưu ý: Thận trọng với người bệnh gan, giảm prothrombin huyết, thiếu vitamin K, viêm loét dạ dày - tá tràng.

Magesto (Takeda, Thái lan)

Dạng thuốc: Viên nén mampylase, diastase, vitamin B1, cao scopolia, natri bicarbonat, calci carbonat, tinh dầu đình hương....

Chỉ định: Viêm và đau dạ dày -ruột, rối loạn dạ dày -ruột, chậm tiêu...

Liều dùng: Người lớn ngày 3 lần x 4 viên, sau bữa ăn.

Chống chỉ định: Glôcôm góc đóng, tắc liệt ruột, phì đại tuyến tiền liệt, suy thận nặng.

Magne B6(Pháp)

Dạng thuốc: Viên có: magne lactat 470mg (tương ứng với 3,94 mEq Mg²⁺), pyridoxin HCl 5mg

Tác dụng: Magne làm giảm tính kích thích neuron dẫn truyền thần kinh cơ, tham gia vào những phản ứng enzym

Chỉ định: Thiếu magne. Trường hợp thiếu cả calci cần lập cân bằng magne trước. Các cơn u tư kèm co giật.

Liều dùng: Người lớn: thiếu magne đã được xác nhận: 6viên/24giờ. Tạng u tư co giật: 4 viên/24giờ, chia làm 2-3 lần.

Chống chỉ định: Suy thận nặng

Lưu ý: Nếu dùng tetracyclin phải cách ít nhất 3 giờ khi dùng Magne B6. Có thể bị ỉa chảy, đau bụng.

Magnesium 250mg (Hungari)

Dạng thuốc: Viên nén sủi có:

Mg²⁺
Vitamin C

250mg
150mg